

M C L C

PH N M U	4
CH NG I.	4
NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L	4
i u 1. Gi i thích thu t ng	4
CH NG II:.....	5
TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY	5
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty	5
CH NG III.....	5
M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY	5
i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty	5
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng	7
CH NG IV	7
V N I U L , C PH N	7
i u 5. V n i u l , c ph n	7
i u 6. Ch ng nh n c phi u	8
i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác	8
i u 8. Chuy n nh ng c ph n	9
i u 9. Thu h i c ph n.....	9
C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT.....	9
i u 10. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát	9
CH NG VI.....	10
C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	10
i u 11. Quy n c a c ông	10
i u 12. Ngh a v c a c ông	11
i u 13. i h i ng c ông	11
i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông	13
i u 15. Các i di n c y quy n	14
i u 16. Thay i các quy n.....	15
i u 17. Tri ut p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông	15
i u 18. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông.....	17

điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại hội đồng	17
điều 20. Thông qua quyết định hội đồng	19
điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lý kiến công bằng nhân thông qua quyết định hội đồng	19
điều 22. Biên bản họp hội đồng	21
điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định hội đồng	21
CHƯƠNG VII	22
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
điều 24. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị	22
điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	23
điều 26. Chức năng Hội đồng quản trị	25
điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
CHƯƠNG VIII	29
TỔNG GIÁM ĐỐC HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỦ KÝ CÔNG TY	29
điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	29
điều 26. Cán bộ quản lý	29
điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc hành	29
điều 31. Thủ ký Công ty	31
CHƯƠNG IX	31
BAN KIỂM SOÁT	31
điều 32. Thành viên Ban kiểm soát	31
điều 33. Ban kiểm soát	32
CHƯƠNG X	33
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	33
điều 34. Trách nhiệm công nhân	33
điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi	34
điều 36. Trách nhiệm về thị trường và bất thành	35
CHƯƠNG XI	36
QUY ĐỊNH NỘI DUNG SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	36
điều 37. Quy định nội dung sách và hồ sơ	36
CHƯƠNG XII	36
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	36

điều 38. Công nhân viên và công đoàn	36
CHƯƠNG XIII.....	37
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	37
điều 39. Phân phối lợi nhuận.....	37
CHƯƠNG XIV.....	37
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN TRỊ, NỘM TÀI CHÍNH VÀ HỒ THỐNG KÊ TOÁN.....	37
điều 40. Tài khoản ngân hàng	37
điều 41. Nợ tài chính.....	38
điều 42. Chiết khấu toán	38
CHƯƠNG XV.....	38
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	38
điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	38
điều 44. Báo cáo thường niên	39
CHƯƠNG XVI.....	39
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
điều 45. Kiểm toán	39
CHƯƠNG XVII.....	39
CON ĐU.....	39
điều 46. Con dấu.....	39
CHƯƠNG XVIII.....	40
CHẾ ĐỘ THO TỪNG VÀ THANH LÝ.....	40
điều 47. Chế độ tho từ từ	40
điều 48. Thanh lý.....	40
CHƯƠNG XIX.....	40
GIỚI QUY ĐỊNH TRANH CHẤP NỘI BỘ	40
điều 49. Giới quy định tranh chấp nội bộ	40
CHƯƠNG XX.....	41
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI I I U L	41
điều 50. Bổ sung và sửa đổi i i u l	41
CHƯƠNG XXI.....	41
HỒ UL C.....	41
điều 51. Ngày hồ ul c.....	41

I U L
CÔNG TY C PH N TH NG PHÚ
PH N M U

- C n c Lu t doanh nghi p s **68/2014/QH13 ngày 26/11/2014** và các v n b n h ng d n thi hành;
- C n c i u l m u áp d ng cho Công ty i chúng ban hành kèm theo thông t s **121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 c a B tài chính;**
- C n c các v n b n pháp lu t v ch ng khoán, th tr ng ch ng khoán và các v n b n khác có liên quan.

i u l này c thông qua theo quy t nh h p l c a i h i ng c ông t ch c chính th c vào ngày 19 tháng 01 n m 2016

CH NG I.
NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. Gi i thích thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng d i ây c hi u nh sau:

- a. "V n i u l " là s v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i i u 5 i u l này;
 - b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s **68/2014/QH13** c Qu c h i thông qua ngày **26 tháng 11 n m 2014;**
 - c. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p l n u;
 - d. "Cán b qu n lý" là nh ng ng i qu n lý Công ty bao g m Ch t ch H i ng qu n tr , thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c và nh ng cá nhân gi ch c danh qu n lý khác có th m quy n nhân danh Công ty ký k t giao d ch c a Công ty theo quy nh t i i u l này;
 - e. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i Kho n 17 i u 4 Lu t Doanh nghi p;
 - f. "Th i h n ho t ng" là th i gian ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 i u l này c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t;
 - g. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam;
2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th .

3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

CH NG II:

TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty

- Tên t i ng Vi t: **CÔNG TY C PH N TH NG PHÚ**

- Tên t i ng Anh: **THUONG PHU JOINT STOCK COMPANY**

- Tên vi t t t: **THUONG PHU ,,JSC**

2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.

3. Tr s ng ký c a Công ty là:

- a ch : Km 19, Thôn C p, xã H ng Phùng, huy n H ng Hóa, t nh Qu ng Tr , Vi t Nam

- i n tho i: 055.782.789

Fax: 0533.782.789

- Website: <http://thuongphu.com.vn/>

4. T ng Giám c là ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.

5. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i quy t nh c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.

6. Tr khi các tr ng h p ch m d t ho t ng tr c th i h n theo quy nh c a pháp lu t thì th i h n ho t ng c a Công ty b t u t ngày thành l p và là vô th i h n

CH NG III

M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY

i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty

1. L nh v c kinh doanh c a Công ty là:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Tr ng cây cà phê	0126

2	Tr ợng cây cao su	0125
3	Tr ợng cây lâu n ăm khác	0129
4	Bán buôn th ực phẩm	4632
5	Bán buôn nông, lâm s ản nguyên li ều (tr ẻ g ỗ, tre, n ứa) và ợng v ật s ản <u>Chi ti ết</u> : Bán buôn l ợng th ực. Bán buôn nông, lâm s ản nguyên li ều	4620
6	C ả, x ả, bào g ọt và b ọc qu ần g <u>Chi ti ết</u> : Ch ỉ bi ến g	1610
7	S ản xu ất s ản ph ẩm khác t ổng <u>Chi ti ết</u> : S ản xu ất các s ản ph ẩm t ổng	16291
8	Bán ph ần từng và các b ộ ph ần ph ụ tr ợ c ả ô tô và xe có ợng c ả khác <u>Chi ti ết</u> : Bán ph ần từng và các b ộ ph ần c ả ô tô	4530
9	Ho ạt ợng cho thuê tài chính <u>Chi ti ết</u> : Cho thuê kho hàng, nhà x ả ợng	64910
10	S ản xu ất ph ần bón và h ợp ch ất ni ốt <u>Chi ti ết</u> : S ản xu ất phân bón. Ch ỉ bi ến, s ản xu ất phân vi sinh	2012
11	Bán buôn chuyên doanh khác ch ỉ a phân vào ầu <u>Chi ti ết</u> : Bán buôn, bán l ợ phân bón	4669
12	Bán buôn ợng <u>Chi ti ết</u> : Bán buôn, bán l ợ r ợu, bia, n ớc gi ọt i khát	4633
13	ợ lý <u>Chi ti ết</u> : ợ lý mua bán, ký g ợ hàng hóa. ợ lý ký g ợ phân bón	46101
14	Bán buôn máy móc, thi ết b ị và ph ần từng máy nông nghi ệp <u>Chi ti ết</u> : Bán buôn máy móc, thi ết b ị và ph ần từng thay th ế ph ần c ả v ật nông lâm ng ợ nghi ệp	46530
15	Bán buôn chuyên doanh khác còn l ợ ch ỉ a c ả phân vào ầu <u>Chi ti ết</u> : Bán buôn nguyên v ật li ệu ph ần c ả v ật ngành công nghi ệp ch ỉ bi ến th ực n ghi s ả, gia c ả m	46699
16	Bán buôn ợ n gia đ ịnh, ợn và b ộ ợn i ến	46495

	<u>Chi tiết</u> : Bán buôn i n gia đ ng	
17	Bán buôn dùng khác cho gia ình <u>Chi tiết</u> : Bán buôn, bán l hàng m ph m	4649
18	Bán buôn hóa ch t khác (tr lo i s đ ng trong công nghi p) <u>Chi tiết</u> : Bán buôn hóa ch t (tr hóa ch t c h i m nh)	46692
19	S n xu t, ch bi n hàng nông, lâm, h i s n; Buôn bán máy móc, thi t b , ph tùng máy; Bán buôn dùng gia ình; Tr ng tr t; L p d án u t nông nghi p, tr ng tr t, ch bi n nông lâm s n.	Ngành, ngh ch a kh p mã v i H th ng ngành kinh t Vi t Nam

2. M c tiêu ho t ng c a Công ty là: Huy ng và s đ ng v n t hi u qu cao nh t, không ng ng t ch c và phát tri n ho t ng kinh doanh trong các l nh v c nh m thu l i nhu n t i a, m b o l i ích cho các c ông, t o vi c làm n nh và nâng cao i s ng thu nh p cho ng i lao ng, làm tròn ngh a v thu i v i Ngân sách nhà n c và phát tri n Công ty v ng m nh

i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p và i u l này, phù h p v i quy nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.
2. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các l nh v c khác c pháp lu t cho phép và c i h i ng c ông thông qua.

CH NG IV

V N I U L , C PH N

i u 5. V n i u l , c ph n

1. V n i u l c a Công ty là 100.000.000.000 ng (M t tr m t ng)
T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành 10.000.000 c ph n v i m nh giá là 10.000 ng/c ph n.
2. Công ty có th t ng v n i u l khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.
3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này ch có c ph n ph thông. Các quy n và ngh a c a c ph n ph thông c quy nh t i i u 11 i u l này.

4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Chứng khoán thông thường ưu tiên chào bán cho các công nhân hưởng theo thỏa thuận nội bộ của Công ty, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quy định khác. Chứng khoán không được ký mua hoặc do Hội đồng quản trị của Công ty quy định. Hội đồng quản trị có thể phân phối chứng khoán **cho công ty hoặc người khác** theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán chứng khoán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các công nhân hưởng phần được bán qua Sổ giao dịch chứng khoán theo phương thức ưu đãi.

6. Công ty có thể mua chứng khoán do chính công ty đã phát hành theo những cách thức quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Chứng khoán do Công ty mua lại là chứng khoán và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi cần Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận chứng khoán

1. Chứng nhận của Công ty được cấp chứng nhận chứng khoán và loại chứng khoán sẽ như sau.

2. Chứng nhận chứng khoán phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đi nhận theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận chứng khoán phải ghi rõ số lượng và loại chứng khoán mà công nhận mang, họ và tên người nhận và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong trường hợp lý theo quy định tính từ ngày nộp yêu cầu chuyển quyền sở hữu chứng khoán theo quy định của Công ty hoặc tính từ ngày thanh toán yêu cầu mua chứng khoán theo quy định thì phải ấn phát hành chứng nhận của Công ty, người sở hữu chứng khoán được cấp chứng nhận chứng khoán. Người sở hữu chứng khoán không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận chứng khoán.

4. Trường hợp chứng nhận chứng khoán bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị mất, mất chứng nhận chứng khoán tiêu hủy, người sở hữu chứng khoán có thể yêu cầu cấp chứng nhận chứng khoán mới với điều kiện phải trả ra bằng chứng về việc sở hữu chứng khoán và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có

d u và ch ký m u c a i di n theo pháp lu t c a Công ty.

i u 8. Chuy n nh ng c ph n

1. T t c các c ph n c t do chuy n nh ng tr khi i u l này và pháp lu t có quy nh khác. C phi u niêm y t trên S giao d ch ch ng khoán c chuy n nh ng theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.
2. C ph n ch a c thanh toán y không c chuy n nh ng và h ng các quy n l i liên quan nh quy n nh n c t c, quy n nh n c phi u phát hành t ng v n c ph n t ngu n v n ch s h u, quy n mua c phi u m i chào bán.

i u 9. Thu h i c ph n

1. Tr ng h p c ông không thanh toán y và úng h n s t i n ph i tr mua c phi u, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là b y (07) ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo úng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.
3. H i ng qu n tr có quy n thu h i các c ph n ch a thanh toán y và úng h n trong tr ng h p các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n.
4. C ph n b thu h i c coi là các c ph n c quy n chào bán. H i ng qu n tr có th tr c t i p ho c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.
5. C ông n m gi c ph n b thu h i ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n t i n có liên quan c ng v i t i n lãi theo lãi su t chung c a ngân hàng vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i.
6. Thông báo thu h i c g i n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c g i thông báo.

CH NG V

C C U T CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT

i u 10. C c u t ch c, qu n tr và ki m soát

C c u t ch c qu n lý, qu n tr và ki m soát c a Công ty bao g m:

1. i h i ng c ông;
2. H i ng qu n tr ;
3. Ban ki m soát;
4. T ng Giám c i u hành.

CH NG VI C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG

i u 11. Quy n c a c ông

1. C ông là ng i ch s h u Công ty, có các quy n và ngh a v t ng ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u. C ông ch ch u trách nhi m v n và các ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi s v n ã góp vào Công ty.
2. Ng i n m gi c ph n ph thông có các quy n sau:
 - a. Tham d và phát bi u trong các cu c h p i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t tr c ti p t i i h i ng c ông ho c thông qua i di n c u quy n ho c th c hi n b phi u t xa;
 - b. Nh n c t c v i m c theo quy t nh c a i h i ng c ông;
 - c. T do chuy n nh ng c ph n ã c thanh toán y theo quy nh c a i u l này và pháp lu t hi n hành;
 - d. c u tiên mua c phi u m i chào bán t ng ng v i t l c ph n ph thông mà h s h u;
 - . Xem xét, tra c u và trích l c các thông tin liên quan n c ông trong Danh sách c ông t cách tham gia i h i ng c ông và yêu c u s a i các thông tin không chính xác;
 - e. Xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l công ty, s biên b n h p i h i ng c ông và các ngh quy t c a i h i ng c ông;
 - g. Tr ng h p Công ty gi i th ho c phá s n, c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i s c ph n góp v n vào công ty sau khi Công ty ã thanh toán cho ch n và các c ông n m gi lo i c ph n khác c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t;
 - h. Yêu c u Công ty mua l i c ph n c a h trong các tr ng h p quy nh c a Lu t Doanh nghi p;
 - i. Các quy n khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.
3. C ông ho c nhóm c ông n m gi ít nh t 5% t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c t sáu (06) tháng tr lên có các quy n sau:

- a. Các các ngân viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định trong nội quy của Khoan 2 và Khoan 2 và Khoan 32 của Điều lệ này;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập và chỉ định thành viên Hội đồng theo các quy định Luật Doanh nghiệp;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các thành viên có quyền tham dự và biểu quyết tại Hội đồng;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tình hình liên quan quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bản gốc; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu thành viên Hội đồng là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quy tắc thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh nếu thành viên Hội đồng là tổ chức; số lượng cổ phần và thời hạn ký cược phần của thành viên Hội đồng, tổng số phần của các nhóm thành viên và tổng số phần của Công ty; vị trí kiểm tra, mục đích kiểm tra; . Các quy định khác của quy định Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng

Thành viên Hội đồng có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân theo Điều lệ Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quy tắc hành vi của Hội đồng, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định hoặc thực hiện biểu quyết đại diện. Thành viên Hội đồng có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Hội đồng.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để làm hình thức thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác trái lợi ích công ty hoặc lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên công ty tài chính có thể xảy ra nếu Công ty.

Điều 13. Chỉ định thành viên Hội đồng

1. Chỉ định thành viên Hội đồng là chức vụ có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Chỉ định thành viên Hội đồng

th ng niên c t ch c m i n m m t (01) l n. i h i ng c ô ng ph i h p th ng niên trong th i h n b n (04) tháng k t ngày k t thúc n m tài chính.

2. H i ng qu n tr t ch c tri u t p h p i h i ng c ô ng th ng niên và l a ch n a i m phù h p. i h i ng c ô ng th ng niên quy t nh nh ng v n theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty, c bi t thông qua các báo cáo tài chính n m và d toán cho n m tài chính ti p theo. Các ki m toán viên c l p có th c m i tham d i h i t v n cho vi c thông qua các báo cáo tài chính n m.

3. H i ng qu n tr ph i tri u t p i h i ng c ô ng b t th ng trong các tr ng h p sau:

a. H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;

b. B ng cân i k toán n m, các báo cáo sáu (06) tháng ho c quý ho c báo cáo ki m toán c a n m tài chính ph n ánh v n ch s h u ã b m t m t n a (1/2) so v i s u k ;

c. Khi s thành viên c a H i ng qu n tr ít h n s thành viên mà lu t pháp quy nh ho c ít h n m t n a s thành viên quy nh trong i u l ;

d. Công ho c nhóm c ô ng quy nh t i Kho n 3 i u 11 i u l này yêu c u tri u t p i h i ng c ô ng b ng v n b n. Yêu c u tri u t p i h i ng c ô ng ph i nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ô ng liên quan ho c v n b n yêu c u c l p thành nhi u b n, trong ó m i b n ph i có ch ký c a t i thi u m t c ô ng có liên quan;

e. Ban ki m soát yêu c u tri u t p cu c h p n u Ban ki m soát có lý do tin t ng r ng các thành viên H i ng qu n tr ho c cán b qu n lý c p cao vi ph m nghiêm tr ng các ngh a v c a h theo Lu t Doanh nghi p ho c H i ng qu n tr hành ng ho c có ý nh hành ng ngoài ph m vi quy n h n c a mình;

f. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

4. Tri u t p h p i h i ng c ô ng b t th ng

a. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ô ng trong th i h n ba m i (30) ngày k t ngày s thành viên H i ng qu n tr không còn s thành viên mà lu t quy nh ho c nh n c yêu c u t nhóm c ô ng có quy n yêu c u tri u t p i h i ng c ô ng.

b. Tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ô ng theo quy nh thì trong th i h n ba m i (30) ngày ti p theo, Ban ki m soát ph i thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ô ng theo quy nh c a pháp lu t;

c. Tr ng h p Ban ki m soát không tri u t p h p i h i ng c ô ng theo quy nh c a pháp lu t thì trong th i h n ba m i (30) ngày ti p theo, c ô ng, nhóm c ô ng có yêu c u

t ch c i h i ng c ông có quy n thay th H i ng qu n tr , Ban ki m soát tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh ..

Trong tr ng h p này, c ông ho c nhóm c ông tri u t p h p i h i ng c ông có quy n ngh c quan ng ký kinh doanh giám sát trình t , th t c tri u t p, ti n hành h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông. T t c chi phí cho vi c tri u t p và ti n hành h p i h i ng c ông c công ty hoàn l i. Chi phí này không bao g m nh ng chi phí do c ông chi tiêu khi tham d i h i ng c ông, k c chi phí n và i l i.

i u 14. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông

1. i h i ng c ông th ng niên có quy n th o lu n và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính n m c ki m toán;
- b. Báo cáo c a H i ng qu n tr ;
- c. Báo cáo c a Ban ki m soát;
- d. K ho ch phát tri n ng n h n và dài h n c a Công ty.

2. i h i ng c ông th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh v các v n sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính n m;
- b. M c c t c thanh toán hàng n m cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t Doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó. M c c t c này không cao h n m c mà H i ng qu n tr ngh sau khi ã tham kh o ý ki n các c ông t i i h i ng c ông;
- c. S l ng thành viên c a H i ng qu n tr ;
- d. L a ch n công ty ki m toán;
- e. T ng s ti n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo ti n thù lao c a H i ng qu n tr ;
- g. B sung và s a i i u l Công ty;
- h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i c phát hành i v i m i lo i c ph n và vi c chuy n nh ng c ph n c a thành viên sáng l p trong vòng ba n m u tiên k t ngày thành l p;
- i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
- k. T ch c l i và gi i th Công ty và ch nh ng i thanh lý;
- l. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ông c a Công ty;
- m. Quy t nh giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t **35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty** và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán;

- n. Công ty mua lại hơn 10% mệnh giá cổ phiếu phát hành;
 - o. Việc Tổng Giám đốc điều hành nghỉ làm Chức vụ Quản trị;
 - p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với nhà cung cấp quy định tại **Khoản 1 Điều 162** Luật Doanh nghiệp;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều này và các quy chế khác của Công ty.
3. Công đồng không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 14 khi Công đồng hoặc người có liên quan tới Công đồng là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phiếu của Công đồng hoặc của người có liên quan tới Công đồng trong trường hợp mua lại cổ phiếu được thực hiện theo thỏa thuận của tất cả các Công đồng hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
 - 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đưa vào chương trình họp phải có đa số tuyệt đối và biểu quyết thuận lợi của Công đồng.

Điều 15. Các điều kiện quy định

1. Các Công đồng có quyền tham dự và chỉ đạo Công đồng theo luật pháp có thể quy định cho điều kiện của mình tham dự. Trường hợp có nhu cầu mời người điều kiện của mình thì phải xác nhận thành số phiếu bầu của người quy định cho mình người điều kiện.
2. Việc quy định cho người điều kiện họp chỉ đạo Công đồng phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp Công đồng cá nhân là người quy định thì người quy định phải có chữ ký của Công đồng và người điều kiện họp;
 - b. Trường hợp người điều kiện theo quy định của Công đồng là tổ chức là người quy định thì người quy định phải có chữ ký của người điều kiện theo quy định, người điều kiện theo pháp luật của Công đồng và người điều kiện họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì người quy định phải có chữ ký của người điều kiện theo pháp luật của Công đồng và người điều kiện họp.
 Người điều kiện họp chỉ đạo Công đồng phải nộp văn bản quy định trên khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người quy định ký giấy chỉ đạo điều kiện, việc chỉ đạo điều kiện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu người ký chỉ đạo điều kiện đó có xuất trình cùng với giấy quy định cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy quy định đó (nếu trên có chữ ký của Công ty).
4. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người điều kiện quy định

d h p trong ph m vi c u quy n v n có hi u l c khi có m t trong các tr ng h p sau ây:

a. Ng i u quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;

b. Ng i u quy n ã hu b vi c ch nh u quy n;

c. Ng i u quy n ã hu b th m quy n c a ng i th c hi n vi c u quy n.

i u kho n này không áp d ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

i u 16. Thay i các quy n

1. Vi c thay i ho c hu b các quy n c bi t g n li n v i m t lo i c ph n u ãi có hi u l c khi c c ông n m gi ít nh t **65%** c ph n ph thông tham d h p thông qua ng th i c c ông n m gi ít nh t **75%** quy n bi u quy t c a lo i c ph n u ãi nói trên bi u quy t thông qua. Vi c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ãi thông qua vi c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u hai (02) c ông (ho c i di n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba (1/3) giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ãi phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong vòng ba m i (30) ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ãi nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

2. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 18 và i u 20 i u l này.

3. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ãi i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n vi c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 17. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ông ho c i h i ng c ông c tri u t p theo các tr ng h p quy nh c a pháp lu t

2. Ng i tri u t p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:

a. Chuẩn bị danh sách các công ty ưu tiên tham gia và biểu quyết tối thiểu. **Danh sách công ty có quy định hợp lệ khi công ty có ít nhất 05 ngày trước ngày giáng sinh hợp lệ khi công ty;** Chuẩn bị chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác nhận thời gian và địa điểm họp;

c. Thông báo và gửi thông báo hợp lệ khi công ty cho tất cả các công ty có quy định.

3. Thông báo hợp lệ khi công ty gửi cho tất cả các công ty thành công b trên trang thông tin internet (website) của công ty. Thông báo hợp lệ khi công ty gửi ít nhất **mười (10) ngày** trước ngày họp hợp lệ khi công ty. Chương trình họp hợp lệ khi công ty, các tài liệu liên quan đến các vấn đề biểu quyết tối thiểu gửi cho các công ty hoặc trên trang thông tin internet của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không gửi kèm thông báo hợp lệ khi công ty, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin internet các công ty có thể tiếp cận.

4. Công ty hoặc nhóm công ty có quyền Kho 3 điều 11 này có quyền xuất các vấn đề vào chương trình họp hợp lệ khi công ty. Xuất phiếu làm bằng văn bản và phiếu gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp hợp lệ khi công ty. Xuất phiếu bao gồm và tên công ty, số lượng và loại phiếu nắm giữ, và nội dung đưa vào chương trình họp.

5. Nguyên tắc hợp lệ khi công ty có quy định chính quyền xuất liên quan đến Kho 4 điều 17 trong các trường hợp sau:

a. Xuất phiếu không đúng thẩm quyền hoặc không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm xuất, công ty hoặc nhóm công ty không có ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Kho 3 điều 11 điều này;

c. Vấn đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của họp hợp lệ khi công ty bàn bạc và thông qua;

d. Các trường hợp khác.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đề nghị quy định cho tất cả các vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả công ty đi đến 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đi đến cuối quy định tối thiểu khi công ty, nghị quyết nội dung họp hợp lệ khi công ty thông qua được coi là hợp lệ trong trường hợp vì các lý do hợp lệ khi công ty không theo đúng trình tự và thủ tục nội dung

bi u quy t không có trong ch ãng trình.

i u 18. Các i u ki n ti n hành h p i h i ãng c ãng

1. i h i ãng c ãng c ti n hành khi có s c ãng d h p i di n cho ít nh t **51% c ph n có quy n bi u quy t.**
2. Tr ãng h p không có s l ãng i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, ãng i tri u t p h p h u c h p. i h i ãng c ãng ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i (30) ãng k t ãng d ãng nh t ch c i h i ãng c ãng l n th nh t. i h i ãng c ãng tri u t p l i ch c ti n hành khi có thành viên tham d là các c ãng và nh ãng i di n c u quy n d h p i di n cho ít nh t **33% c ph n có quy n bi u quy t.**
3. Tr ãng h p i h i l n th hai không c ti n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ãng c ãng l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i (20) ãng k t ãng d ãng nh ti n hành i h i l n hai và trong tr ãng h p này i h i c ti n hành không ph thu c vào s l ãng c ãng hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n d ki n c phê chu n ti i h i ãng c ãng l n th nh t.

i u 19. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ãng c ãng

1. Vào ãng t ch c i h i ãng c ãng, Công ty ph i th c hi n th t c ãng ký c ãng và ph i th c hi n vi c ãng ký cho n khi các c ãng có quy n d h p có m t ãng ký h t.
2. Khi ti n hành ãng ký c ãng, Công ty c p cho t ãng c ãng ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó ghi s ãng ký, h và tên c a c ãng, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ãng ó. Khi ti n hành bi u quy t t i i h i, s th tán thành ãng quy t c thu tr c, s th ph n ãng quy t c thu sau, cu i cùng m t ãng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ãng s phi u tán thành, ph n i, b phi u tr ãng ho c không h p l t ãng v n c Ch to thông báo ãng sau khi ti n hành bi u quy t v n ó. i h i b u nh ãng ãng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u theo ãng h c a Ch to . S thành viên c a ban ki m phi u do i h i ãng c ãng quy t nh c n c ãng h c a Ch to nh ãng không v t quá s ãng i theo quy ãng nh c a pháp lu t hi n hành.
3. C ãng n d i h i ãng c ãng mu n có quy n ãng ký ãng và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t t i i h i. Ch to không có trách nhi m d ãng i h i cho c ãng n mu n ãng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã ti n hành tr c khi c ãng n mu n tham d không b nh h ãng.
4. Ch t ch H i ãng qu n tr làm ch to các cu c h p do H i ãng qu n tr tri u t p.

Trên hợp Chốt ch v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vi c thì các thành viên còn lại b u m t ng i trong s h làm ch to cu c h p. Trên hợp không có ng i có th làm ch to , thành viên H i ng qu n tr có ch c v cao nh t i u khi n i h i ng c ông b u ch to cu c h p trong s nh ng ng i đ h p và ng i có phi u b u cao nh t làm ch to cu c h p.

Trong các tr ng h p khác, ng i ký tên tri u t p h p i h i ng c ông i u khi n i h i ng c ông b u ch to cu c h p và ng i có phi u b u cao nh t c c làm ch to cu c h p.

5. Ch to là ng i có quy n quy t nh v trình t , th t c và các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng c ông.

6. Ch to i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng c ông ã có s l ng i bi u đ h p c n thi t.

7. Ch to c a i h i ho c Th ký i h i có th ti n hành các ho t ng c n thi t i u khi n i h i ng c ông m t cách h p l và có tr t t ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s i bi u tham d .

8. H i ng qu n tr có th yêu c u các c ông ho c i di n c u quy n tham d i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ng qu n tr cho là thích h p. Trên hợp có c ông ho c i di n c u quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nêu trên, H i ng qu n tr sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i ho c tr c xu t c ông ho c i di n nêu trên tham gia i h i.

9. H i ng qu n tr , sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th ti n hành các bi n pháp c H i ng qu n tr cho là thích h p :

- a. B trí ch ng i t i a i m h p i h i ng c ông;
- b. B o m an toàn cho m i ng i có m t t i các a i m h p;
- c. T o i u ki n cho c ông tham d i h i.

H i ng qu n tr có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp n u H i ng qu n tr th y c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

10. Trong tr ng h p t i i h i ng c ông có áp d ng các bi n pháp nêu trên, H i ng qu n tr khi xác nh a i m i h i có th :

- a. Thông báo i h i c ti n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch to i h i có m t t i ó;
- b. B trí, t ch c nh ng c ông ho c i di n c u quy n không đ h p c theo

Điều khoản này hoặc những người mua tham gia của ai khác và ai chính của họ có thể không tham dự hội;

Thông báo về việc tổ chức hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

11. Trong điều lệ này mọi công việc coi là tham gia hội của ai chính của hội.

Hàng năm Công ty tổ chức hội nghị công ít nhất một (01) lần. Hội nghị công thường niên không tổ chức dưới hình thức lý thuyết và văn bản.

Điều 20. Thông qua quy định của hội nghị công

1. Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quy định của hội nghị công và các văn bản sau đây sẽ được thông qua khi có từ **51% trở lên** tổng số phiếu bầu của các công nhân viên quy định có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định có mặt tại hội nghị công:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo về việc Hội đồng quản trị nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.

2. Các quy định của hội nghị công liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung điều lệ, thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cấu trúc quản lý công ty, lợi ích phi lợi nhuận và số lượng phi lợi nhuận chào bán, việc tổ chức liên kết hay gì đó doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thành viên có giá trị **35% trở lên tổng giá trị tài sản** của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất của kiểm toán được thông qua khi có từ **65% trở lên** tổng số phiếu bầu của các công nhân viên quy định có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định có mặt tại hội nghị công (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất **65% tổng số** phiếu bầu của các công nhân viên quy định chấp thuận (điều lệ và những quy định khác công bố văn bản).

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lý giải công bố văn bản thông qua quy định của hội nghị công

Thẩm quyền và thủ tục lý giải công bố văn bản thông qua quy định của hội nghị công được thực hiện theo quy định như sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lý giải công bố văn bản thông qua quy định của hội nghị công bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm lý giải, đồng thời quy định của hội nghị công và các tài liệu ghi trình đồng thời quy định. Phiếu lý giải kèm theo đồng thời quy định

nh và tài liệu ghi trình phi công ghi bảng phi công theo mẫu của công ty ký các tài liệu. Hình thức trình phi công, công bố tài liệu cho các công ty trong một thời gian hợp lý xem xét biểu quyết và phê duyệt ít nhất một lần (15) ngày trước ngày bắt đầu vận hành phi công.

3. Phi công vận hành phi công có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội dung ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích vận hành phi công;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công nhân là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công nhân đi làm theo quy định của công nhân là tổ chức; số lượng công nhân tại nơi và số phi công vận hành của công nhân;

d. Vận hành phi công thông qua quyết định;

e. Phi công vận hành phi công bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến về vận hành phi công;

f. Thời hạn phê duyệt Công ty vận hành phi công đã cấp;

g. Họ, tên, chức danh Giám đốc và người đi làm theo pháp luật của Công ty.

4. Phi công vận hành phi công đã cấp có chức danh của công nhân là cá nhân, của người đi làm theo quy định hoặc người đi làm theo pháp luật của công nhân là tổ chức.

Phi công vận hành phi công trong phòng bị dán kín và không ai có quyền mở cửa khi kiểm tra. Các phi công vận hành phi công Công ty nhận được sau thời hạn đã xác nhận nội dung phi công vận hành phi công đã cấp không hợp lệ.

5. Hình thức kiểm tra phi công và lập biên bản kiểm tra đối với công nhân của Ban kiểm soát của công nhân không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm tra phi công có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội dung ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vận hành phi công thông qua quyết định;

c. Số công vận hành phi công vận hành phi công đã tham gia vận hành phi công, trong đó phân biệt số phi công vận hành phi công và số phi công vận hành phi công không hợp lệ, kèm theo phần danh sách công nhân tham gia vận hành phi công;

d. Tổng số phi công tán thành, không tán thành và không có ý kiến về vận hành phi công;

e. Các quy t ã c thông qua;

g. H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ñg qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty và c a ng i giám sát ki m phi u.

Các thành viên H i ñg qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t ã c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

6. Biên b n ki m phi u ph i c công b trê n website c a Công ty trong th i h n hai m i t (24) gi k t ñgày k t thúc ki m phi u.

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n ñg quy t ã c th ñg qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. Quy t ã c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ñg b ñg v n b n ph i c s c ñg i di n ít nh t **51% t ñg s c** ph n có quy n bi u quy t ch p thu n và có giá tr nh quy t ã c thông qua t i cu c h p i h i ñg c ñg.

i u 22. Biên b n h p i h i ñg c ñg

Ng i ch trì i h i ñg c ñg ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ñg c ñg. Biên b n i h i ñg c ñg c g i cho t t c các c ñg trong th i h n m i l m (15) ñgày k t ñgày i h i ñg c ñg k t thúc **ho c thay th b ñg vi c ñg lên trang thông tin i n t c a Công ty**. Biên b n i h i ñg c ñg c coi là b ñg ch ñg xác th c v nh ñg công vi c ã c t i n hành t i i h i ñg c ñg tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy ñh trong vòng m i (10) ñgày k t khi g i biên b n. Biên b n ph i c l p b ñg tí ñg Vi t, có ch ký xác nh n c a Ch t a i h i và Th ký và c l p theo quy ñh c a Lu t Doanh ñh i p và i u l này. Các b ñg ghi chép, biên b n, s ch ký c a các c ñg ñ h p và v n b n u quy n tham d ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

i u 23. Yêu c u h y b quy t ã c a i h i ñg c ñg

Trong th i h n chín m i (90) ñgày, k t ñgày nh n c biên b n h p i h i ñg c ñg ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ñg c ñg, **c ñg, nhóm c ñg theo quy ñh t i kho n 3 i u 11 i u l** có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ñg tài xem xét, hu b quy t ã c a i h i ñg c ñg trong các tr ñg h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ñg c ñg không th c hi n úng theo quy ñh c a Lu t Doanh ñh i p và i u l Công ty.

2. Trình t , th t c ra quy t ã c và n i dung quy t ã c vi ph m pháp lu t ho c i u l

Công ty.

3. Nội dung nghị quyết về phạm pháp luật hoặc vi phạm Công ty

Trên hợp quy định của pháp luật về công bố theo quy định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp pháp luật về công bố có thể xem xét thực tiễn pháp luật về công bố trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật này.

CHƯƠNG VII

HÌNH QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm nhiệm vụ không hạn chế. Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cần bổ sung các thành viên mới giữa các chức danh để hành vi các thành viên chấp hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng thành viên Hội đồng quản trị là thành viên chấp hành.
- Các công nợ mới có quy định cụ thể trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quy định cụ thể quy định cụ thể tại nghị quyết nội bộ của các thành viên Hội đồng quản trị. Công nợ nhóm công nợ mới từ 5% đến 10% tổng số vốn có quy định cụ thể 01 người; từ 10% đến 30% tổng số vốn có quy định cụ thể 02 người; từ 30% đến 40% tổng số vốn có quy định cụ thể 03 người; từ 40% đến 50% tổng số vốn có quy định cụ thể 04 người; từ 50% đến 60% tổng số vốn có quy định cụ thể 05 người; từ 60% đến 70% tổng số vốn có quy định cụ thể 06 người; từ 70% đến 80% tổng số vốn có quy định cụ thể 07 người; và từ 80% đến 90% tổng số vốn có quy định cụ thể 08 người.
- Trên hợp pháp số lượng các thành viên Hội đồng quản trị thông qua và ngược lại không số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị nhiệm vụ có thể bổ nhiệm thành viên hoặc chức vụ theo chức vụ của Công ty quy định tại Quy chế nội bộ quản trị công ty. Chức vụ hay cách thức Hội đồng quản trị nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị phải công bố rõ ràng và phải công bố pháp luật về công bố thông qua trực tiếp hành vi.
- Thành viên Hội đồng quản trị không còn cách thức thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - Thành viên có không cách thức làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc luật pháp khác không cách thức làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thành viên có gia đình vắng mặt xin thôi chức vụ chính của Công ty;

- c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ñg qu n tr có nh ñg b ñg ch ñg chuyên môn ch ñg t ñg i ó không còn n ñg l c hành vi;
- d. Thành viên ó không tham d các cu c h p c a H i ñg qu n tr liên t c trong vòng sáu (06) tháng mà không có s ch p thu n c a H i ñg qu n tr và H i ñg qu n tr quy t nh ch c v c a ñg i này b b tr ñg;
- . Thành viên ó b bãi nhi m theo quy t nh c a i h i ñg c ñg.

5. H i ñg qu n tr có th b nhi m ñg i khác t m th i làm thành viên H i ñg qu n tr thay th ch tr ñg phát sinh và thành viên m i này ph i c ch p thu n t i i h i ñg c ñg ngay ti p sau ó. Sau khi c i h i ñg c ñg ch p thu n, vi c b nhi m thành viên m i ó c coi là có hi u l c vào ñgày c H i ñg qu n tr b nh i m. Nhi m k c a thành viên H i ñg qu n tr m i c tính t ñgày vi c b nhi m có hi u l c n ñgày k t thúc nhi m k c a H i ñg qu n tr . Trong tr ñg h p thành viên m i không c i h i ñg c ñg ch p thu n, m i quy t nh c a H i ñg qu n tr cho n tr c th i i m di n ra i h i ñg c ñg có s tham gia bi u quy t c a thành viên H i ñg qu n tr thay th v n c coi là có hi u l c.

6. Vi c b nhi m các thành viên H i ñg qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ñg khoán và th tr ñg ch ñg khoán.

7. Thành viên H i ñg qu n tr có th không ph i là ñg i n m ñg i c ph n c a Công ty.

i u 25. Quy n h n và nhi m v c a H i ñg qu n tr

1. Ho t ñg kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s giám sát và ch o c a H i ñg qu n tr . H i ñg qu n tr là c quan có y quy n h n th c hi n t t c các quy n nhân danh Công ty tr ñg ñg th m quy n thu c v i h i ñg c ñg.

2. H i ñg qu n tr có trách nhi m giám sát T ñg Giám c i u hành và các cán b qu n lý khác.

3. Quy n và ñg h a v c a H i ñg qu n tr do lu t pháp và i u l Công ty và quy t nh c a i h i ñg c ñg quy nh. C th , H i ñg qu n tr có nh ñg quy n h n và nhi m v sau:

- a. Quy t nh k ho ch phát tri n s n xu t kinh doanh và ñg n sách hàng n m;
- b. Xác nh các m c tiêu ho t ñg trên c s các m c tiêu chi n l c c i h i ñg c ñg thông qua;
- c. B nhi m và bãi nhi m các cán b qu n lý Công ty theo ñg h c a T ñg Giám c i u hành và quy t nh m c l ñg c a h ;
- d. Quy t nh c c u t ch c c a Công ty;

. Gi i quy t các khi u n i c a Công ty i v i cán b qu n lý c ñg ñg quy t nh l a

chính trị của Công ty ghi quy tắc các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý và các cán bộ quản lý nó;

e. Xuất các loại chứng khoán có thể phát hành và tăng số chứng khoán phát hành theo từng loại;

g. Xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chương quy định cho phép người sở hữu mua chứng khoán theo mức giá nhất định;

h. Quy định giá chào bán trái phiếu, chứng khoán và các chương khoản chuyển đổi trong trường hợp cần thiết để công ty quy định;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác, người điều hành của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên bị bãi nhiệm (nếu có);

k. Báo cáo tình hình công việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;

l. Xuất mặt cắt ngang năm và xác định mặt cắt ngang; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m. Xuất việc tổ chức lễ hội của Công ty.

4. Nhiệm vụ sau đây thuộc Hội đồng quản trị phê duyệt:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 điều 149 Luật doanh nghiệp và trường hợp quy định tại Khoản 1 điều 162 Luật Doanh nghiệp phi độc lập tình hình công việc phê duyệt, Hội đồng quản trị tùy theo thẩm quyền quy định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chọn và bãi nhiệm nhân viên của Công ty nhiệm là điều hành viên và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thanh toán, bồi đắp và bồi thường của Công ty;

f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp từ các công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;

g. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải liên quan đến việc phát hành chứng khoán hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và tài sản khác;

h. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% số cổ phần;

i. Quy định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

i. Các văn kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nên phải có sự chấp thuận trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo với Hội đồng công ty hoạt động của mình, có thể là với việc giám sát của Hội đồng quản trị và với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong nội bộ tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng công ty, báo cáo tài chính nội bộ của Công ty bị coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trường hợp luật pháp và nội quy khác, Hội đồng quản trị có thể quy định cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đi xin lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ làm việc cho công ty của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng nghĩa vụ làm việc cho Hội đồng quản trị do Hội đồng công ty quy định. Khoản nghĩa vụ này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho tất cả thành viên Hội đồng quản trị bao gồm nghĩa vụ làm việc, chi phí, hoa hồng, quy định mua cổ phần và các lợi ích khác của công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đi nhận phần vốn góp phải công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nội bộ chỉ có thể điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thể hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm tiền nghĩa vụ làm việc đi kèm nhiệm vụ công việc gói theo từng lần, hàng, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thể hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp với Hội đồng công ty, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chức năng Hội đồng quản trị

1. Hội đồng công ty hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị Ủy ban Kiểm tra. Trường hợp Hội đồng quy định khác, Ủy ban Kiểm tra Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Ủy ban Kiểm tra Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm từ Hội đồng công ty thường niên.

2. Ủy ban Kiểm tra Hội đồng quản trị có trách nhiệm triu tập và làm chứng với Hội đồng công ty và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quy định và trách nhiệm khác quy

nhất từ ngày này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm làm báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty liên quan.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chối hoặc bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc.

Điều 27. Các chức vụ của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và ra các quy định khác theo quy định của pháp luật hiện hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc Hội đồng quản trị nhiệm kỳ trước. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc sau.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là một quý phải họp một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, không cần trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện dưới đây xảy ra:

a. Tổng Giám đốc triệu tập hành động ít nhất 05 cán bộ quản lý khác;

b. Ít nhất 02 thành viên triệu tập hành động của Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được triệu tập và tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có yêu cầu triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp thuận triệu tập họp theo yêu cầu thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra cho Công ty; nếu không chấp thuận yêu cầu triệu tập họp của Hội đồng quản trị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra cho Công ty.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập và tiến hành theo quy định của Công ty hoặc theo quy định khác của pháp luật hiện hành của Việt Nam hoặc theo quy định của pháp luật nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải công bố cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất **03 ngày** trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể đề nghị thông báo miễn họp bằng văn bản và việc đề nghị này có thể có hiệu lực hết. Thông báo họp Hội đồng phải làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo ý kiến trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo danh sách tài liệu cần thiết và danh sách bàn bạc và biểu quyết theo quy tắc họp Hội đồng và các phụ thuộc cho danh sách thành viên Hội đồng không thể họp.

Thông báo miễn họp công bố bằng văn bản, fax, điện thoại công cộng khác, danh sách bỏ phiếu bằng cách mời thành viên Hội đồng quản trị công ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục liên tiếp hành các quy định khi có ít nhất $\frac{3}{4}$ số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đi (người ủy quyền). **Việc ủy quyền cho người khác để họp phải của thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.**

Trường hợp không có thành viên đồng ý họp theo quy định, cuộc họp phải trì hoãn lại trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày diễn ra họp liên tục. Cuộc họp trì hoãn lại liên tiếp hành nếu có hơn $\frac{1}{2}$ số thành viên Hội đồng quản trị đồng ý.

9. Biểu quyết.

a. Trường hợp nghị quyết của Hội đồng 9 điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người ủy quyền trực tiếp có một phiếu cách cá nhân theo quy tắc họp Hội đồng quản trị có mặt (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không có biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. **Thành viên Hội đồng quản trị không tính vào số người biểu quyết tại cuộc họp có thể tổ chức của Hội đồng quản trị về những quy định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;**

c. Theo quy định của Điều 9 điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan tới lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan tới quyền biểu quyết của thành viên mà danh sách không có ghi ý quyết định về việc này thì người biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, danh sách phát sinh đó chuyển tiếp cho chủ tọa cuộc họp quy định. Phán quyết của chủ tọa liên quan tới vấn đề này có giá trị là quy định nếu cùng trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chặt chẽ công bố;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hàng loạt liên tiếp họp công bố quy định của Điều 4 điều 35 điều này có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp của công ty là thành viên của giao dịch này ký kết hoặc đồng ký kết với Công ty và bất kỳ thành viên nào khác có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bằng văn bản, nội dung của quy định đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị trước tiên xem xét và đồng ý ký kết hợp đồng giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không bất kỳ thành viên và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp trước khi Hội đồng quản trị quyết định. Sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quy định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu bầu quy tắc của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên vắng mặt hoặc vắng mặt khác nhau và nếu điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp có thể:

- a. Nghe tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu và tất cả các thành viên tham dự khác mặt cách riêng.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này để diễn ra vào thời điểm thông qua quyết định hay sau này) hoặc là kết quả của nghị quyết này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này và được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Mọi cuộc họp quyết định theo quy định này là mọi mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng thuận chấp thuận, hoặc nếu không có mặt nhóm này, là mọi mà Chủ tịch cuộc họp chấp thuận.

Các quy định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại quyết định và tiến hành một cách hợp pháp có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp ngay khi người ký các văn bản ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết của các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp trực tiếp và thực hiện theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã tiến hành trong

các cuộc họp có thể khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị có lập bản ghi tiếng Việt.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra.

16. Việc thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có trách nhiệm thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp vì bất cứ lý do gì thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐI U HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỰC KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo máy quản lý chịu trách nhiệm trực thuộc Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có 01 Tổng Giám đốc đi u hành, các Phó Tổng Giám đốc đi u hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp pháp.

Điều 26. Cán bộ quản lý

1. Theo nghị quyết của Tổng Giám đốc đi u hành và các sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất phát từ yêu cầu thực tế. Cán bộ quản lý phải có phẩm chất cần thiết các hoạt động và trách nhiệm của Công ty để thực hiện các mục tiêu đưa ra.

2. Mức lương, thâm niên, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc đi u hành do Hội đồng quản trị quy định và hợp đồng với nhân viên quản lý khác do Hội đồng quản trị quy định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc đi u hành.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhậm chức và quy định của Tổng Giám đốc đi u hành

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc đi u hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thâm niên, lợi ích và các

đi u kho n khác liên quan khác. Thông tin v m c l ã ng, tr c p, quy n l i c a T ã ng Giám c i u hành ph i c báo cáo t i i h i ã ng c ô ng th ã ng niên và c nêu trong Báo cáo th ã ng niên c a Công ty.

2. Nhi m k c a T ã ng Giám c i u hành là 5 n m và có th c tái b ã nhi m v i nhi m k không h n ch . T ã ng Giám c i u hành không ph i là ã ng i mà pháp lu t c m gi ch c v này.

3. T ã ng Giám c i u hành có nh ã ng quy n h n và trách nhi m sau:

a. Th c hi n các ã ng quy t c a H i ã ng qu n tr và i h i ã ng c ô ng, k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H i ã ng qu n tr và i h i ã ng c ô ng thông qua;

b. Quy t ã nh t t c các v n không c n ph i có ã ng quy t c a H i ã ng qu n tr , bao g m v i c thay m t Công ty ký k t các h p ã ng tài chính và th ã ng m i, t ch c và i u hành ho t ã ng s n xu t kinh doanh th ã ng nh t c a Công ty theo nh ã ng thông l qu n lý t t nh t;

c. K i ã ngh s l ã ng và các lo i cán b qu n lý mà Công ty c n tuy n ã ng H i ã ng qu n tr b ã nhi m ho c m i n nhi m nh m th c hi n các ho t ã ng qu n lý t t theo xu t c a H i ã ng qu n tr , và t v n H i ã ng qu n tr quy t ã nh m c l ã ng, thù lao, các l i ích và các i u kho n khác c a h p ã ng lao ã ng c a cán b qu n lý;

d. Tham kh o ý k i n c a H i ã ng qu n tr quy t ã nh s l ã ng ã ng i lao ã ng, m c l ã ng, tr c p, l i ích, v i c b ã nhi m, m i n nhi m và các i u kho n khác liên quan ã nh p ã ng lao ã ng c a h ;

. Trong vòng 30 ã ng k t ã ng k t thúc n m tài chính, T ã ng Giám c i u hành ã nh H i ã ng qu n tr k ho ch kinh doanh cho n m tài chính t i p theo phù h p v i chi n l c phát tri n công ty

e. xu t ã nh ã ng b i ã pháp ã ng cao ho t ã ng và qu n lý c a Công ty;

g. Chu n b các b ã ã toán ã ã h ã n, ã ã ng n m và ã ã ng quý c a Công ty (sau ã y g i là b ã ã ã toán) ph c v ho t ã ng qu n lý ã ã h ã n, ã ã ng n m và ã ã ng quý c a Công ty theo k ho ch kinh doanh. B ã ã ã toán ã ã ng n m (bao g m c b ã ng cân i k ã toán, báo cáo k t qu ho t ã ng kinh doanh và báo cáo l u chuy n t i n t ã ã ki n) cho t ã ng n m tài chính ph i c ã ã nh H i ã ng qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ã ng thông tin quy ã nh t i các quy ch c a Công ty;

h. Th c hi n t t c các ho t ã ng khác theo quy ã nh c a i u l này và các quy ch c a Công ty, các ã ng quy t c a H i ã ng qu n tr , h p ã ng lao ã ng c a T ã ng Giám c i u hành và pháp lu t.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp Hội đồng quản trị và chỉ định công việc thích hợp nhiệm vụ và quy định các giao và phê duyệt báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi các thành viên Hội đồng quản trị đề nghị có quy định bổ nhiệm Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thay thế.

Điều 31. Thủ ký Công ty

Hội đồng quản trị chọn một người làm Thủ ký Công ty với nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành và lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thủ ký Công ty tùy theo thời gian. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ các chủ đầu tư chỉ định công, Hội đồng quản trị, và văn phòng các cuộc họp của các chủ đầu tư pháp, ghi chép các biên bản cuộc họp.
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quy định và nghĩa vụ của giao.
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện các nguyên tắc quản trị Công ty.
4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cộng đồng và báo cáo quy định và lợi ích hợp pháp công đồng.
5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai thông tin và thực hiện hành chính.

Thủ ký công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và nội bộ Công ty.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán công lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chọn một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên

môn v k toán. Tr ờng ban ki m soát có các quy n và trách nhi m sau:

- a. Tri u t p cu c h p Ban ki m soát;
 - b. Yêu c u H i ờng qu n tr , T ờng Giám c i u hành và các cán b qu n lý khác cung c p các thông tin liên quan báo cáo Ban ki m soát;
 - c. L p và ký báo cáo c a Ban ki m soát sau khi ã tham kh o ý ki n c a H i ờng qu n tr trình i h i ờng c ờng.
2. Các c ờng có quy n g p s phi u bi u quy t c a t ờng ng i l i v i nhau c các ng viên Ban ki m soát. C ờng ho c nhóm c ờng n m gi t 5% n d i 10% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 10% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 60% c c t i a n m (05) ng viên.
3. Tr ờng h p s l ờng các ng viên Ban ki m soát thông qua c và ng c v n không s l ờng c n thi t, Ban ki m soát ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo c ch c công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. C ch Ban ki m soát ng nhi m c ng viên Ban ki m soát ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ờng c ờng thông qua tr c khi ti n hành c .
4. Các thành viên c a Ban ki m soát do i h i ờng c ờng b u, nhi m k c a Ban ki m soát không quá n m (05) n m; thành viên Ban ki m soát có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch .
5. Thành viên Ban ki m soát không còn t cách thành viên trong các tr ờng h p sau:
- a. Thành viên ó b pháp lu t c m làm thành viên Ban ki m soát;
 - b. Thành viên ó t ch c b ng m t v n b n thông báo c g i n tr s chính c a Công ty;
 - c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và các thành viên khác c a Ban ki m soát có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi dân s ;
 - d. Thành viên ó v ng m t không tham d các cu c h p c a Ban ki m soát liên t c trong vòng sáu (06) tháng liên t c không c s ch p thu n c a Ban ki m soát và Ban ki m soát ra quy t nh r ng ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - e. Thành viên ó b cách ch c thành viên Ban ki m soát theo quy t nh c a i h i ờng c ờng.

i u 33. Ban ki m soát

1. Công ty ph i có Ban ki m soát và Ban ki m soát có quy n h n và trách nhi m theo quy nh t i **i u 165** Lu t Doanh nghi p và i u l này, ch y u là nh ng quy n h n và trách

nhì m sau ây:

- a. Xu t l a ch n công ty ki m toán c l p, m c phí ki m toán và m i v n có liên quan;
 - b. Th o lu n v i ki m toán viên c l p v tính ch t và ph m vi ki m toán tr c khi b t u vi c ki m toán;
 - c. Xin ý ki n t v n chuyên nghi p c l p ho c t v n v pháp lý và m b o s tham gia c a nh ng chuyên gia bên ngoài công ty v i kinh nghi m trình chuyên môn phù h p vào công vi c c a công ty n u th y c n thi t;
 - d. Ki m tra các báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý;
 - . Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c;
 - e. Xem xét t cách c a ki m toán viên c l p và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo c a công ty v các h th ng ki m soát n i b tr c khi H i ng qu n tr ch p thu n;
 - h. Xem xét nh ng k t qu i u tra n i b và ý ki n ph n h i c a ban qu n lý.
2. Thành viên H i ng qu n tr , T ng Giám c i u hành và cán b qu n lý khác ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ban ki m soát. Th ký Công ty ph i b o m r ng toàn b b n sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H i ng qu n tr và b n sao các biên b n h p H i ng qu n tr ph i c cung c p cho thành viên Ban ki m soát vào cùng th i i m chúng c cung c p cho H i ng qu n tr .
3. Ban ki m soát có th ban hành các quy nh v các cu c h p c a Ban ki m soát và cách th c ho t ng c a Ban ki m soát. Ban ki m soát ph i h p t i thi u hai (02) l n m t n m và s l ng thành viên tham gia các cu c h p t i thi u là hai (02) ng i.
4. M c thù lao c a các thành viên Ban ki m soát do i h i ng c ông quy t nh. Thành viên c a Ban ki m soát c thanh toán các kho n chi phí i l i, khách s n và các chi phí phát sinh m t cách h p lý khi h tham gia các cu c h p c a Ban ki m soát ho c th c thi các ho t ng khác c a Ban ki m soát.

CH NG X

NHÌ M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ CÁN B QU N LÝ KHÁC
i u 34. Trách nhi m c n tr ng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ vượt cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì lợi ích của công nhân viên mà một người thân trong phi có khi nhiệm vụ trí tuệ và trong hoàn cảnh ngặt nghèo.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; ngược lại không được sử dụng những thông tin có thể mang lợi ích của mình để lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích cá nhân cho cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột lợi ích của Công ty mà họ có thể nhận được thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Hội đồng chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến công ty, bất cứ, bất kỳ, hoặc bất cứ mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Giá trị hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những người quản trị viên hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Ngược lại, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng sự phi vụ tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Giá trị hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những người quản trị viên hoặc giao dịch này cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công

b. cho các công không có lợi ích liên quan có quy định quy định văn bản, và những công đó sẽ bị hủy bỏ thành hợp đồng giao dịch này;

c. Hợp đồng giao dịch có thể được coi là công bằng và hợp lý xét trên mặt pháp lý liên quan đến các công của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này. Hội đồng quản trị hoặc ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc các công cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36. Trách nhiệm vi phạm và biện pháp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thành và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự lợi ích cá nhân và những lợi ích chuyên môn phục vụ trách nhiệm vi phạm thực hiện do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bị thiệt hại cho những người khác, hàng hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó hoặc ông là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi theo Công ty quy định hoặc người đó hoặc ông làm theo yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc người đi theo quy định của Công ty vì lợi ích cá nhân hoặc hành vi trung thành, cẩn trọng, miễn nhiệm vì lợi ích hoặc không chấp hành lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác định rằng người đó đã vi phạm nghĩa vụ trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc người đi theo quy định của Công ty của Công ty bị thiệt hại khi trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Ông hành vi trung thành, cẩn trọng, miễn nhiệm vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác định ông không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bị thiệt hại bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong suốt hoặc coi là một hợp lý khi ghi quy định này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công

ty có thể mua bảo hiểm cho những người có trách nhiệm bất thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quy định về sách và hồ sơ

1. Công ty có nhóm công nhân tại Khu 2 và Khu 2 điều này có quy định tiếp theo qua người quản lý, giám đốc nhân viên kiểm tra danh sách công nhân, các biên bản họp hội đồng và sao chụp hồ sơ trích lệ các hồ sơ có trong giấy làm việc và tài liệu chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do người quản lý công nhân kèm theo giấy quy định của công nhân mà người quản lý nhân viên sao công nhân của người quản lý này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ sách công nhân của Công ty, danh sách công nhân và hồ sơ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mối liên quan tới công việc của mình và việc tuân thủ các thông tin này phải công bố.
3. Công ty phải điều này và những bản sao bổ sung điều này, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định về tài sản, quy định hội đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tài liệu chính hoặc tài liệu khác và việc tuân thủ là các công nhân và quan hệ kinh doanh công thông báo và đảm bảo lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều này Công ty phải công bố trên website của công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, nghỉ, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật người lao động và cán bộ quản lý.
2. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan nhân viên của Công ty và các tổ chức công đoàn theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, những thông lệ và chính sách quy định điều này, các

quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng quản trị nắm giữ quyền quyết định và hình thức chi trả lợi nhuận cho các thành viên của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ngừng trả lợi ích cho các thành viên chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả lãi hay khoản tiền chi trả liên quan tới bất kỳ khoản nào.
4. Hội đồng quản trị có thể quyết định Hội đồng quản trị thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần các khoản chi phí và Hội đồng quản trị là quan chức quy định như vậy.
5. Trường hợp trả lãi hay những khoản khác liên quan tới bất kỳ khoản nào của chi trả bất kỳ năm nào, Công ty phải chi trả bất kỳ năm nào Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên các các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công ty cung cấp mà công ty không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho công ty nhận. Việc thanh toán các chi phí về các khoản chi phí liên quan tới các giao dịch kinh doanh có thể thực hiện hành thông qua công ty kinh doanh hoặc Trung tâm lưu ký kinh doanh Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định ngày chốt danh sách công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người có quyền ký viết cách công ty hoặc người sử dụng các khoản khác quy định như các khoản lãi suất, phân phối lợi nhuận, những khoản chi phí, những thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận có thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN LÝ, NẾM TÀI CHÍNH VÀ H THANH KẾ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài có phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sơ chế phụ thuộc các đặc điểm quy định, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 41. Nhiệm tài chính

Nhiệm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12

Điều 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác của Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lựa chọn kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Nội dung sổ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng tiếng Việt Nam làm đơn vị tính tiền dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc nhiệm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm để công bố công khai thông qua các quan chức có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh mặt cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh mặt cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho các quan chức hữu quan và các quan chức kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán

4. Các báo cáo tài chính của kế toán (bao gồm ý kiến của kế toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải công bố trên website của Công ty.

5. Các thành viên, cá nhân quan tâm thuộc quy định kiểm tra hồ sơ sao chép báo cáo tài chính năm của kế toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giới hạn vì của Công ty, trình sơ chính của Công ty và trình thẩm định phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về kế toán và thuế kế toán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Việc lựa chọn công ty thường niên cho năm tài chính của công ty kiểm toán sẽ lập hồ sơ thông qua danh sách các công ty kiểm toán sẽ lập và quy định cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn năm tài chính của năm này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những ưu tiên và việc kiểm tra thu nhập của Hội đồng quản trị. Công ty phải chịu trách nhiệm và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán sẽ lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán sẽ lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bên sao của báo cáo kiểm toán sẽ gửi kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kế toán viên thành viên của kế toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và quy định những các thông báo và các thông tin khác liên quan đến việc lựa chọn công ty mà các công ty quy định và các phát biểu ý kiến từ việc lựa chọn các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII

COND U

Điều 46. Con d u

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con d u chính thức của Công ty và con d u sẽ thực hiện theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm và quản lý con d u theo quy định

c a pháp lu t hi n hành.

CH NG XVIII

CH M D T H O T NG VÀ THANH LÝ

i u 47. Ch m d t h o t ng

1. Công ty có th b gi i th ho c ch m d t h o t ng trong nh ng tr ng h p sau:
 - a. Toà án tuyên b Công ty phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
 - b. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 48. Thanh lý

1. T i thi u sáu (06) tháng tr c khi có quy t nh gi i th Công ty, H i ng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do i h i ng c ông ch nh và m t (01) thành viên do H i ng qu n tr ch nh t m t công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Toà án và các c quan hành chính.
3. T i n thu c t vi c thanh lý c thanh toán theo th t sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. T i n l ng và chi phí b o hi m cho công nhân viên;
 - c. Thu và các kho n n p cho Nhà n c;
 - d. Các kho n vay (n u có);
 - i. Các kho n n khác c a Công ty;
 - e. S d còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n t m c (a) n () trên ây c phân chia cho các c ông. Các c ph n u ã c u tiên thanh toán tr c.

CH NG XIX

GI I QUY T TRANH CH P N I B

i u 49. Gi i quy t tranh ch p n i b

1. Tr ng h p phát sinh tranh ch p hay khi u n i có liên quan t i ho t ng c a Công ty

hay t i quy n và ngh a v c a các c ông theo quy nh t i i u l công ty, Lu t Doanh nghi p, các lu t khác ho c các quy nh hành chính quy nh gi a:

a. C ông v i Công ty;

b. C ông v i H i ãng qu n tr , Ban ki m soát, T ãng Giám c i u hành hay cán b qu n lý cao c p,

Các bên liên quan c g ng gi i quy t tranh ch p ó thông qua th ãng l ãng và hoà gi i. Tr ãng h p tranh ch p liên quan t i H i ãng qu n tr hay Ch t ch H i ãng qu n tr , Ch t ch H i ãng qu n tr ch ãrì vi c gi i quy t tranh ch p và yêu c u t ãng bên trình bày các y u t th c t i n liên quan ãn tranh ch p trong vòng 30 ngày làm vi c k t ãng tranh ch p phát sinh. Tr ãng h p tranh ch p liên quan t i H i ãng qu n tr hay Ch t ch H i ãng qu n tr , b t c bên nào c ãng có th ãng yêu c u ch ãng nh m t chuyên gia c l p ãng hành ãng v i t ãng cách là tr ãng tài cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Tr ãng h p không t ãng quy t ãng hoà gi i trong vòng sáu (06) tu n t khi b t u quá trình hoà gi i ho c n u quy t ãng c a trung gian hoà gi i không ãng các bên ch p ãng nh n, b t c bên nào c ãng có th ãng ãng tranh ch p ó ra Tr ãng tài kinh t ho c Tòa án kinh t .

3. Các bên t ãng ch u chi phí c a mình có liên quan t i th t c th ãng l ãng và hoà gi i. Vi c thanh toán các chi phí c a Tòa án ãng th c hi ãng theo phán quy t c a Tòa án.

CH ãNG XX

B SUNG VÀ S A I I U L

i u 50. B sung và s a i i u l

1. Vi c b sung, s a i i u l ãng ph i c i h i ãng c ông xem xét quy t ãng.

2. Trong tr ãng h p có nh ãng quy nh c a pháp lu t có liên quan ãng ho t ãng c a Công ty ch a ãng c p trong b n i u l ãng ho c trong tr ãng h p có nh ãng quy nh m i c a pháp lu t khác v i nh ãng i u kho n trong i u l ãng thì nh ãng quy nh c a pháp lu t ó ãng ãng nhiên ãng áp d ãng và i u ch ãng ho t ãng c a Côn g ty.

CH ãNG XXI

HI U L C

i u 51. Ngày hi u l c

1. B n i u l ãng ãng m 21 ch ãng 51 i u c i h i ãng c ông Công ty c p ãng Th ãng Phú nh t trí thông qua ngày 19 tháng 01 n m 2016 theo Ngh quy t s 01/2016/TPG/NQ- H C ãng ãng cùng ch p thu n hi u l c toàn v ãng c a i u l ãng ãng.

2. i u l này là duy nh t và chính th c c a Công ty.

4. Các b n sao ho c trích l c i u l Công ty có giá tr khi có ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr ho c t i thi u m t ph n hai (1/2) t ng s thành viên H i ng qu n tr .

**NG I I DI N THEO PHÁP LU T
T NG GIÁM C**

Nguy n H u Ái